TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 8 – 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Đình Thành
2. Ông Phạm Khoa Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toản – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Đức Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày **0**5 tháng 11 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST – HNGĐ ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1993 (Có mặt).

* Bị đơn: Anh Trần Khắc Đ, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu phố L 02, phường P, tỉnh Đồng Nai. (trước đây là Khu phố L, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Trần Khắc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011, tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N nhận thấy mâu

thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Khắc Đ ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh Đ có một người con chung họ tên: Trần Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/01/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu L sinh sống cùng anh Đ. Anh Đ ở chung với mẹ ruột và có nhà ở ổn định nên khi ly hôn chị N có nguyện vọng giao con chung Hoàng L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Trần Khắc Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai*:** Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N như chị N trình bày là đúng. Anh đồng ý ly hôn với chị N. Tuy nhiên anh theo đạo Công giáo nên không ký Biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành mà đề nghị Tòa án xét xử vụ án cho anh và chị N ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có một người con chung họ tên: Trần Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/01/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị N ở tại nhà trọ còn anh Đ vẫn nuôi cháu Hoàng L, cháu L được bố và bà nội nuôi dưỡng và phát triển bình thường về mọi mặt. Khi ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Hoàng L, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do hay sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Đồng Nai (Trước đây là thị xã P, tỉnh Bình Phước) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Khắc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Khắc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (Nay là Ủy ban nhân dân Phường P, tỉnh Đồng Nai) ngày 29/8/2011. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp.

Chi N1 và anh Đ đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ việc vợ chồng không có sự yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị N1 và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Trần Khắc Đ có một con chung, họ tên Trần Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16/01/2012. Từ khi sống ly thân cho đến nay, cháu Hoàng L do anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị N không có tranh chấp về con chung và đều có ý kiến để anh Đ là người trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Trần Nguyễn Hoàng L cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp vì hiện tại chị N đang sinh sống tại nhà trọ, chưa có nơi ở ổn định và còn phải chăm sóc, nuôi dưỡng một người con riêng. Đồng thời việc giao con này cũng phù hợp với nguyện vọng của Hoàng L có nguyện vọng được ở với ba Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với anh Trần Khắc Đ.

2.Về con chung: Giao con chung họ tên: Trần Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2012 cho anh Trần Khắc Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Hoàng L đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Phương N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003276 ngày 05/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ hiện nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Trần Khắc Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 11 – Đồng Nai;
-UBND Phường Phước Bình;
(số 79/2011, ngày 29/8/2011);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tịnh